

Diễn biến thị trường ngày 20.02.2017

VN-Index có phiên giao dịch đầu tuần đầy hứng khởi khi giảm điểm trong toàn bộ phiên buổi sáng và một phần phiên buổi chiều, sau đó bật tăng mạnh mẽ với sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu BĐS. Chốt phiên, VN-Index tăng 2.76 điểm, tương đương 0.39%. Giá trị giao dịch tăng mạnh, đạt 3,901.3 tỷ đồng. Toàn sàn có 154 mã tăng, trong đó 23 mã tăng trần, 105 mã giảm, trong đó 6 mã giảm sàn, và 43 mã đứng giá. Trên sàn HNX, HNX-Index bật tăng ngay từ đầu phiên, và duy trì tăng điểm cho đến cuối phiên. HNX-Index chốt phiên tại mức 86.53 điểm, tăng 0.65 điểm, tương đương 0.75%, GTGD đạt 493 tỷ đồng.

Nhóm cổ phiếu BĐS đã có phiên giao dịch buổi chiều đầy hứng khởi. Các cổ phiếu đều tăng mạnh vào phiên buổi chiều như VIC (+3.0%), NVL (+3.8%), DXG (+6.8%), PDR (+5.0%), ITC (+5.4%)... Cùng với đó, nhóm cổ phiếu ngành dầu khí cũng tăng tốt hỗ trợ đà tăng điểm của 2 chỉ số: PVD (+3.8%), PVS (+3.2%)

Ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu ngân hàng quốc doanh là lực kéo chính đối với chỉ số VN-Index khi cả 3 ngân hàng cùng giảm điểm khá: VCB (-0.9%), CTG (-2.1%), BID (-1.8%). Ngoài ra, cũng phải kể đến ảnh hưởng tiêu cực của hai cổ phiếu đầu ngành thép HPG (-5.2%) và HSG (-1.4%) lên chỉ số VN-Index. HPG đã sụt giảm khá mạnh sau tin tức về kế hoạch kinh doanh năm 2017 thấp hơn rất nhiều so

Cập nhật thị trường	HOSE	HNX
Chỉ số	710.59	86.53
% thay đổi	0.39%	0.75%
Tổng KLGD (triệu CP)	199.90	47.51
Tổng GTGD (Tỷ VND)	3,901.30	492.95
KL Dư mua (triệu CP)	118.35	27.22
KL Dư bán (triệu CP)	168.72	38.61

Giao dịch nước ngoài	HOSE	HNX
KL NĐTNN mua (triệu CP)	11.39	0.90
KL bán (triệu CP)	5.90	0.77
GT mua (tỷ đồng)	274.59	16.98
GT bán (tỷ đồng)	167.36	16.30
KL mua/bán ròng (triệu CP)	5.50	0.14
GT mua/bán ròng (tỷ đồng)	107.24	0.67

Chỉ số thị trường	HOSE	HNX
P/B	4.38	1.62
P/E	16.34	11.09
Beta	0.81	0.81
ROE	19.6%	14.7%
ROA	10.6%	6.1%

với 2016. HPG cũng dự kiến phát hành 250 triệu cp và chia cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu nhằm huy động vốn cho dự án KLH Gang thép Hoà Phát Dung Quất.

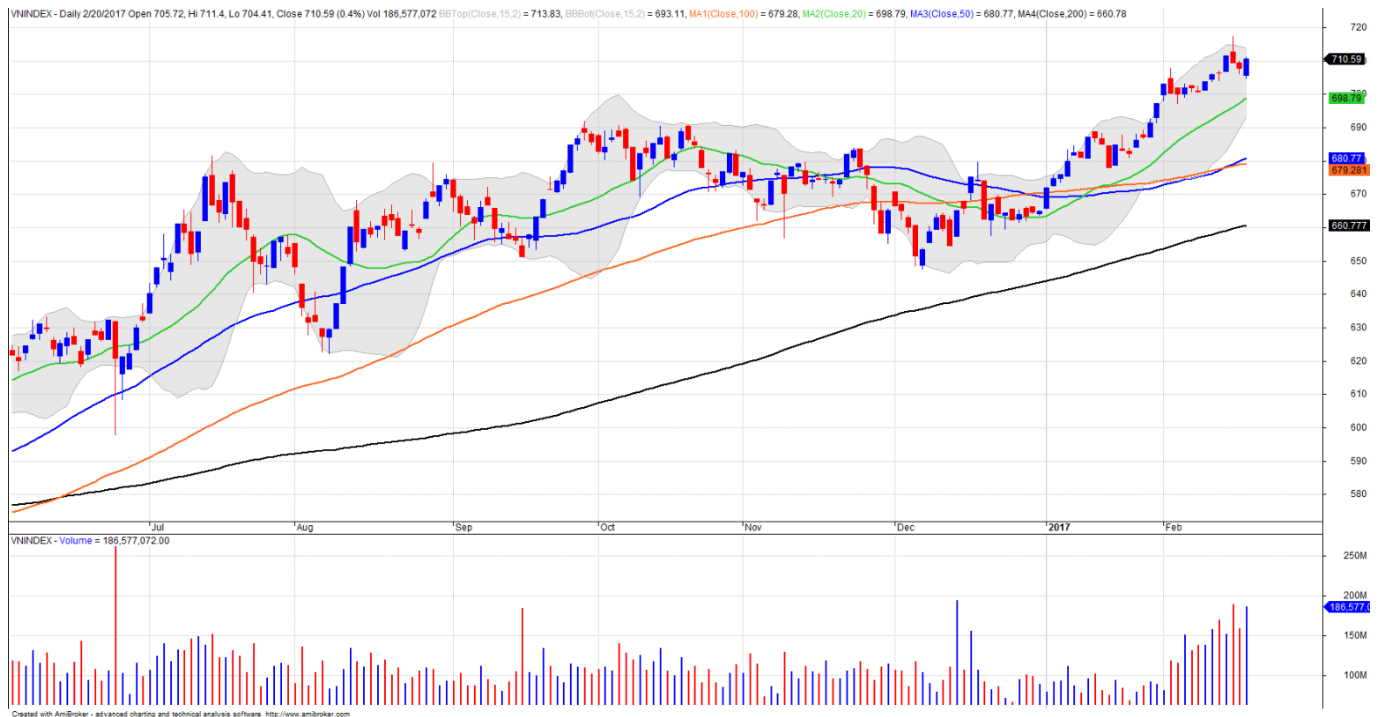
Khỏi ngoại hôm nay mua ròng trên cả 2 sàn với tổng giá trị mua ròng khoảng 107 tỷ đồng. Trên HOSE, các NĐTNN mua ròng tập trung tại EIB, VNM, BVH, HPG và VIC, trong khi bán ròng ở các mã HBC, DXG, NVL, DRC.

Giao dịch lớn đáng chú ý diễn ra tại mã EIB khi các NĐTNN mua ròng đến hơn 5 triệu cổ phiếu ngay trong phiên.

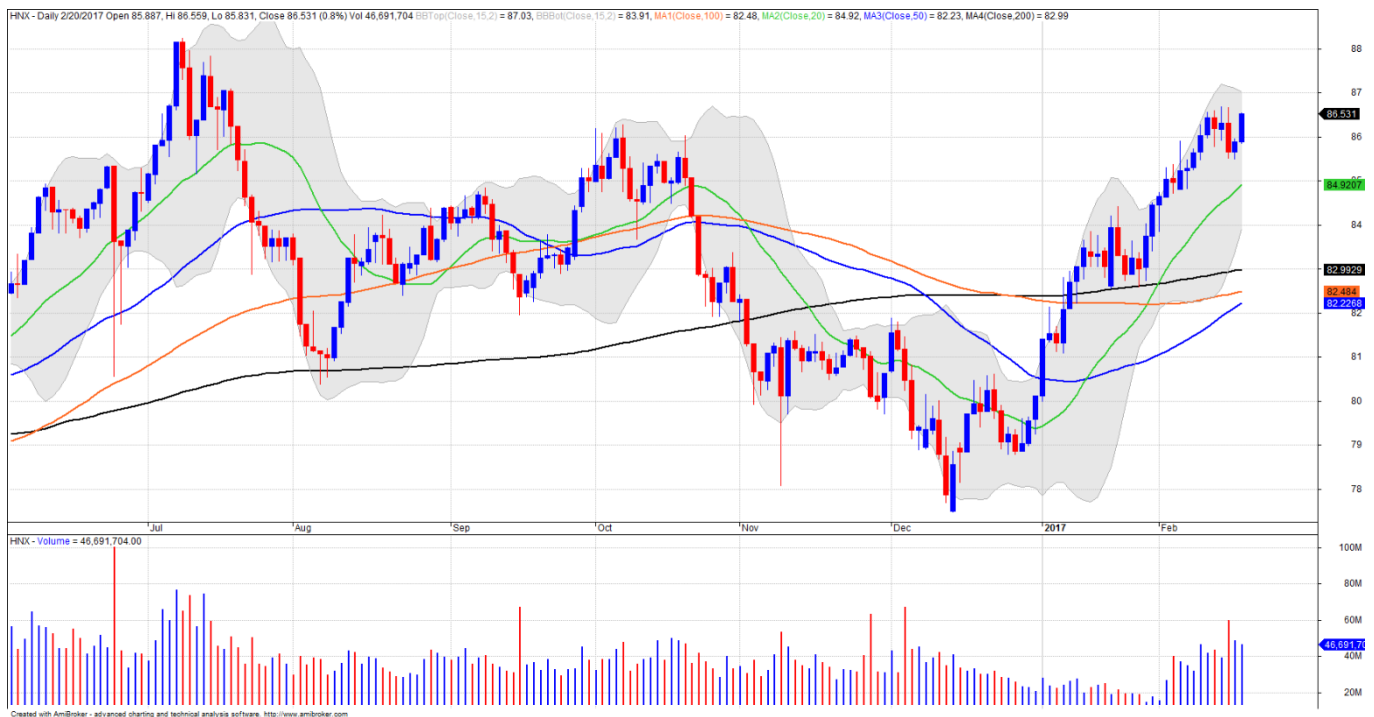
Với GTGD đạt đến 4,400 tỷ đồng, có thể thấy tâm lý thị trường vẫn rất tự tin với đà tăng của thị trường, mặc dù các chỉ số đã ở mức cao. Tuy nhiên, chúng tôi khuyến nghị NĐT nên hạn chế mua đuổi giá, hạ tỷ lệ margin, và bắt đầu chốt lời ở các mã tăng nóng trong thời gian qua.

Phân tích kỹ thuật

VN-Index



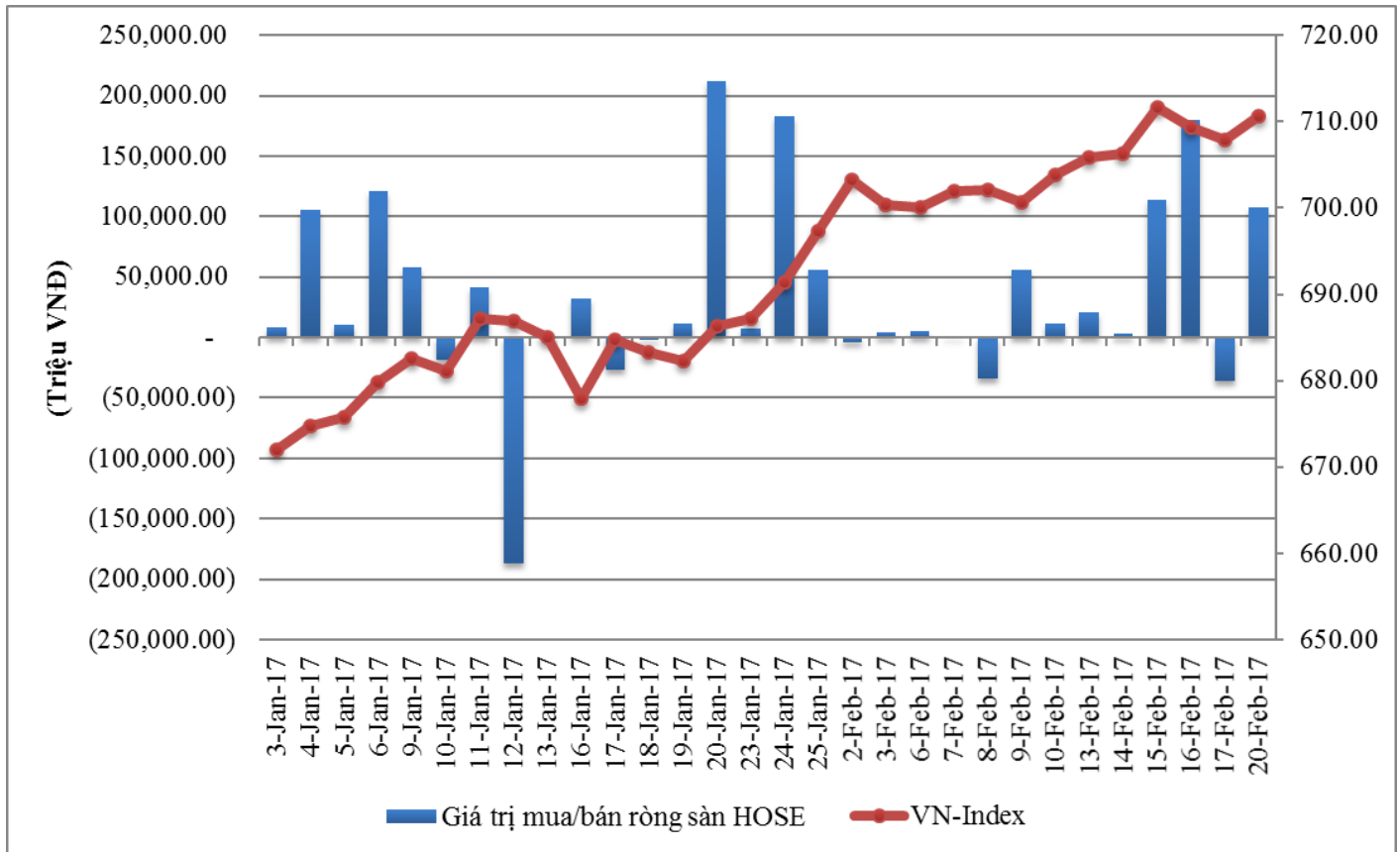
HNX-Index



Cả hai chỉ số đã có một phiên tăng điểm tốt với GTGD ấn tượng. Mức độ tham gia của dòng tiền giúp NĐT có thể tự tin về đà tăng điểm hiện tại của cả 2 sàn. Tuy nhiên, tín hiệu bán đã xuất hiện

trên chỉ báo MACD của HNX-Index và đang dần hình thành tại VN-Index. Ngoài ra, chỉ báo RSI cũng cho thấy xung lực đã giảm so với phiên tăng điểm trước đó. Chúng tôi cho rằng cả 2 chỉ số có thể sẽ điều chỉnh trong một vài phiên tới, và khuyến nghị nhà đầu tư nên cân nhắc chốt lời.

Giao dịch ròng khối ngoại và VN-Index



Điểm tin doanh nghiệp

- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) tiếp tục đăng ký bán 21 triệu cp của Tổng CTCP Hàng không Việt Nam (Upcom: HVN) trong thời gian từ 23/02 đến 24/03 nhằm cơ cấu danh mục đầu tư. Trước đó, trong thời gian từ 14-20/02, Techcombank đã bán 3.8 triệu cp HVN.
- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) đã hoàn thành các hồ sơ theo quy định và dự kiến thời điểm có thể niêm yết cổ phiếu trên Sở GDCK TPHCM vào cuối tháng 3/2017. Theo báo cáo KQKD năm 2016 của Petrolimex, tổng doanh thu thuần hợp nhất của Petrolimex là 123.1 tỷ đồng, bằng 83.8% so với cùng kỳ. Tổng LNTT hợp nhất là 6,300 tỷ đồng, đạt 158% kế hoạch và bằng 148% so với cùng kỳ. Tổng LNST hợp nhất năm 2016 đạt 5,165 tỷ đồng. ROE tương đương 22.3%.
- Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Upcom: VGT) công bố BCTC của Công ty mẹ Q4/2016 với doanh thu thuần quý 4 đạt hơn 349 tỷ đồng, doanh thu thuần quý 4 đạt hơn 349 tỷ đồng, tăng

gấp 3 lần, nhưng lãi ròng chỉ đạt 221 tỷ đồng, giảm 17%, so với quý 4/2015 do giá vốn có mức tăng mạnh đến 3.6 lần và hoạt động tài chính không khả quan. Lũy kế cả năm, doanh thu tăng gần gấp đôi với 871 tỷ đồng nhưng lãi thuần ghi nhận giảm 22%, lãi ròng đạt gần 268 tỷ đồng, tăng 6% nhưng chỉ thực hiện 61% kế hoạch năm.

- Ngày 20/2, Hội đồng quản trị CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HOSE: HAG) đã phê duyệt chủ trương hoán đổi 200 tỷ đồng trái phiếu hoán đổi do HAGL phát hành sang 20 triệu cổ phiếu HNG của CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HOSE: HNG) - tương đương 2.6% số cổ phiếu HNG đang lưu hành. Thời gian thực hiện dự kiến trong tháng 3/2017. Số trái phiếu chuyển đổi trên là một phần trong tổng số 1.130 tỷ đồng trái phiếu hoán đổi phát hành ngày 15/7/2011 cho Northbrooks Investment (Maritis) Pte. Ltd. (“NIMP”) - một công ty thành viên của Tập đoàn Temasek Holdings thuộc chính phủ Singapore. Ngoài ra, Temasek còn nắm giữ 1,100 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu HAG, đáo hạn ngày 31/08/2017 tại giá chuyển đổi là 19,645 đồng/cp. Tuy nhiên, khả năng lớn là Temasek sẽ không chuyển đổi lượng trái phiếu này vì chênh lệch giá quá cao so với giá thị trường.

Điểm tin vĩ mô

- Hàng hóa nhập khẩu trong tháng 1/2017 giảm mạnh so với tháng 12/2016, tuy nhiên cũng đạt được mức tăng 4.8% so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu hàng nhập khẩu tập trung vào các nhóm: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (2.13 tỷ USD, tăng 7.6% yoy, chiếm 10.5% tổng kim ngạch nhập khẩu); Điện thoại các loại và linh kiện (834 triệu USD, tăng 11.9% yoy, chiếm 16.2% tổng kim ngạch nhập khẩu); Sắt thép các loại (664 triệu USD, tăng 21.5% yoy); Vải các loại (662 triệu USD, giảm 15.4% yoy); Xăng dầu các loại (494 triệu USD, tăng 21.4% yoy về lượng và tăng 107.5% yoy về trị giá); và Máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (2,34 tỷ USD, tăng 9.1% yoy)
- Nữ chính trị gia theo chủ nghĩa dân túy của Pháp, Marine Le Pen, đang khiến giới đầu tư vô cùng lo lắng sau khi chính thức bắt đầu chiến dịch tranh cử Tổng thống của mình hôm chủ Nhật vừa qua bằng bài phát biểu đánh mạnh vào vấn đề toàn cầu hóa và những mối đe dọa của hoạt động nhập cư. Bà cũng cam kết rút nước Pháp ra khỏi NATO và muốn nước Pháp từ bỏ đồng Euro. Bà cũng dọa sẽ tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý về tư cách thành viên Liên minh châu Âu (EU) của Pháp. Chênh lệch lợi suất giữa trái phiếu Chính phủ Pháp và Đức hiện ở mức cao nhất trong gần 4 năm qua, qua đó cho thấy giới đầu tư đang nhìn nhận trái phiếu Chính phủ Pháp rủi ro hơn nhiều.

Thống kê giao dịch sàn HOSE và HNX ngày 10.02.2017

HOSE

Top GTGD nhiều nhất tại sàn HSX					
STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	HPG	42,000	-5.19%	13,251,990	560,239
2	ROS	142,500	0.71%	2,862,130	406,562
3	FLC	6,680	6.88%	24,227,390	158,400
4	HBC	45,000	3.93%	3,288,760	147,464
5	KBC	15,200	4.11%	8,008,150	119,844
6	HAG	7,740	6.91%	14,359,630	108,535
7	VNM	130,000	0.00%	725,790	93,795
8	HSG	49,000	-1.41%	1,651,640	80,733
9	GMD	32,500	2.20%	2,525,960	80,312
10	NBB	21,250	3.16%	3,611,390	75,681

HNX

Top GTGD nhiều nhất tại sàn HNX					
STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	VCG	16,300	4.49%	4,812,598	53,902
2	PVS	19,400	3.19%	3,575,077	50,281
3	CVT	51,600	0.98%	3,326,568	27,548
4	ACB	22,700	0.00%	2,628,910	27,489
5	PGS	17,500	1.16%	2,504,397	22,865
6	HUT	12,500	1.63%	2,171,110	19,955
7	CEO	13,400	2.29%	1,642,348	18,692
8	SHB	5,100	0.00%	1,607,943	18,233
9	SHN	11,000	2.80%	1,415,630	18,028
10	VCS	149,000	3.83%	1,315,815	16,525

Top tăng giá HSX (KLGD> 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	VPH	8,880	6.99%	686,220	6,047
2	GTN	18,400	6.98%	1,782,780	31,634
3	BGM	1,230	6.96%	361,310	444
4	HAG	7,740	6.91%	14,359,630	108,535
5	FLC	6,680	6.88%	24,227,390	158,400
6	ATG	3,740	6.86%	704,680	2,604
7	TNT	2,650	6.85%	933,730	2,452
8	BHS	14,100	6.82%	2,452,410	33,684
9	DXG	16,550	6.77%	3,651,520	59,535
10	VNE	10,250	6.77%	1,308,700	13,332

Top tăng giá HNX (KLGD>200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	VMI	5,800	9.43%	270,860	1,552
2	HKB	3,700	8.82%	554,910	2,053
3	BII	3,700	8.82%	363,610	1,345
4	MBG	5,000	8.70%	319,700	1,504
5	KSK	1,300	8.33%	1,088,700	1,407
6	KLF	2,700	8.00%	4,812,598	12,268
7	DPS	2,700	8.00%	707,358	1,813
8	DCS	2,800	7.69%	2,504,397	7,006
9	VIG	1,500	7.14%	277,800	411
10	BCC	19,100	6.70%	647,033	12,090

Top giảm giá sàn HSX (KLGD> 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	HID	11,350	-6.97%	1,569,000	17,808
2	CDO	6,060	-6.91%	240,020	1,455
3	HPG	42,000	-5.19%	13,251,990	560,239
4	NVT	2,110	-2.76%	366,040	771
5	TCH	16,700	-2.62%	435,780	7,278
6	MWG	168,000	-2.33%	213,330	36,192
7	TLH	14,650	-2.33%	1,136,940	16,748
8	SMC	26,900	-2.18%	229,180	6,172
9	CTG	18,500	-2.12%	2,694,060	50,273
10	OGC	1,410	-2.08%	3,525,390	4,986

Top giảm giá HNX (KLGD>200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	DST	18,700	-9.66%	203,100	3,798
2	ASA	2,000	-9.09%	362,300	767
3	KKC	24,800	-4.98%	286,745	7,301
4	KDM	5,600	-3.45%	289,100	1,597
5	TTH	6,100	-1.61%	652,310	3,745
6	PHC	13,000	-1.52%	379,710	4,980
7	MST	10,400	-0.95%	461,900	4,809
8					
9					
10					

Thống kê giao dịch khối ngoại

HOSE

Top mua ròng về giá trị sàn HOSE					
STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	EIB	5,277,710	54,626,449	24,871,070	28.0%
2	VNM	106,810	13,903,739	674,458,239	53.5%
3	BVH	159,220	10,027,684	163,759,151	24.9%
4	HPG	152,630	6,428,718	117,411,462	35.1%
5	VIC	131,480	5,874,462	499,739,635	10.1%
6	DPM	225,550	5,480,004	112,161,296	20.3%
7	CTG	233,400	4,353,558	854,735	30.0%
8	PVD	188,410	4,308,027	76,277,152	29.1%
9	VHC	65,300	3,395,340	67,075,664	27.4%
10	NKG	85,000	3,127,337	13,757,258	28.2%

HNX

Top mua ròng về giá trị tại HNX					
STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	PVS	211,000	4,021,550	94,298,057	27.9%
2	DBC	99,200	3,392,590	17,382,878	25.9%
3	PLC	86,900	2,500,900	33,014,694	8.1%
4	VGC	40,800	631,820	65,014,738	27.8%
5	VIX	75,100	452,620	20,741,456	19.4%
6	HUT	35,200	437,470	53,817,540	18.5%
7	VND	28,000	361,180	2,660,622	47.3%
8	PVG	33,000	244,200	11,897,009	6.1%
9	BVS	14,300	230,140	15,987,057	26.9%
10	PHC	10,100	131,300	5,042,868	3.2%

Top bán ròng về giá trị sàn HOSE

STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	HBC	(193,060)	(8,711,124)	25,457,468	22.3%
2	DXG	(479,510)	(7,856,178)	39,613,777	33.4%
3	SRF	(196,500)	(6,759,300)	5,049,263	28.3%
4	NVL	(84,310)	(5,178,224)	226,407,364	11.0%
5	DRC	(159,870)	(4,967,992)	21,954,680	30.5%
6	MSN	(98,940)	(4,144,759)	205,505,637	30.5%
7	TDH	(359,940)	(4,000,466)	6,421,803	40.0%
8	BMP	(14,250)	(2,712,158)	318	49.0%
9	DCM	(210,000)	(2,163,921)	237,327,763	4.2%
10	NBB	(65,500)	(1,392,060)	8,913,531	35.1%

Top bán ròng về giá trị tại HNX

STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	PGS	(305,200)	(5,334,080)	14,635,717	19.7%
2	PMS	(126,500)	(3,624,190)	1,611,942	26.7%
3	KKC	(47,200)	(1,232,110)	2,109,800	8.4%
4	CVT	(9,700)	(503,770)	17,776,626	5.8%
5	HAT	(6,400)	(274,200)	1,292,656	7.6%
6	DHT	(3,300)	(209,280)	2,786,543	4.7%
7	LHC	(3,000)	(199,650)	782,307	27.3%
8	MAS	(1,800)	(185,310)	1,000,045	15.8%
9	NET	(5,400)	(175,940)	5,583,032	24.1%
10	VTV	(9,000)	(164,800)	15,074,317	0.7%

Thống kê theo nhóm ngành:

Ngành	Vốn hóa (Tỷ VND)	Tỷ trọng vốn hóa	% thay đổi 1 ngày	% thay đổi 1 tháng	P/E	P/B	ROE %	ROA %	Tỷ suất lợi nhuận thuần	Tỷ suất lợi nhuận gộp
Dầu khí	18,589.51	1%	-0.92%	8.24%	16.98	0.73	4.25%	1.88%	-9.46%	-7.92%
Nguyên vật liệu	149,238.91	7%	0.37%	2.39%	9.81	1.95	18.88%	10.03%	5.74%	15.30%
Công nghiệp	400,951.79	18%	0.69%	4.95%	19.90	4.29	14.40%	7.50%	15.05%	21.96%
Hàng Tiêu dùng	594,575.11	27%	-0.11%	0.90%	18.91	6.86	29.76%	20.20%	15.35%	33.80%
Dược phẩm và Y tế	29,454.02	1%	0.08%	6.80%	23.34	3.01	21.68%	13.93%	10.97%	39.45%
Dịch vụ Tiêu dùng	110,306.02	5%	-0.25%	0.92%	19.81	3.85	23.75%	7.44%	20.47%	9.58%
Viễn thông	13,873.07	1%	-0.95%	24.44%	13.58	4.16	29.69%	10.90%	14.34%	44.18%
Tiện ích Cộng đồng	167,874.09	8%	0.05%	0.07%	13.65	2.45	16.04%	10.72%	14.61%	23.69%
Tài chính	332,939.51	15%	1.98%	3.21%	23.75	2.91	9.19%	2.97%	14.69%	31.98%
Ngân hàng	366,571.05	17%	1.23%	7.75%	14.01	1.81	12.06%	0.77%	23.13%	52.36%
CNTT	27,416.67	1%	-0.53%	2.10%	10.79	1.97	16.44%	6.68%	6.00%	20.50%

TOP VỐN HOÁ SÀN HOSE

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	VNM	VINAMILK	6,464	20.11	1,451.42	43.16%	32.89%	188,683.99
2	SAB	SABECO	6,978	31.24	641.28	33.86%	21.92%	139,799.30
3	VCB	Vietcombank	1,897	20.00	3,597.77	14.50%	0.93%	136,535.32
4	VIC	VinGroup	591	76.64	2,637.71	3.78%	0.96%	119,488.17
5	GAS	PV Gas	3,704	15.93	1,913.35	16.90%	12.46%	112,887.54
6	CTG	VIETINBANK	1,828	10.12	3,723.40	11.48%	0.79%	68,882.98
7	ROS	Xây dựng FLC FAROS	1,021	139.51	430.00	10.38%	6.60%	61,275.00
8	BID	BIDV	1,802	9.21	3,418.72	14.74%	0.66%	56,750.67
9	MSN	Tập đoàn Masan	2,472	16.99	1,138.26	11.77%	3.85%	47,807.01
10	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	1,980	31.81	680.47	9.94%	2.05%	42,869.70

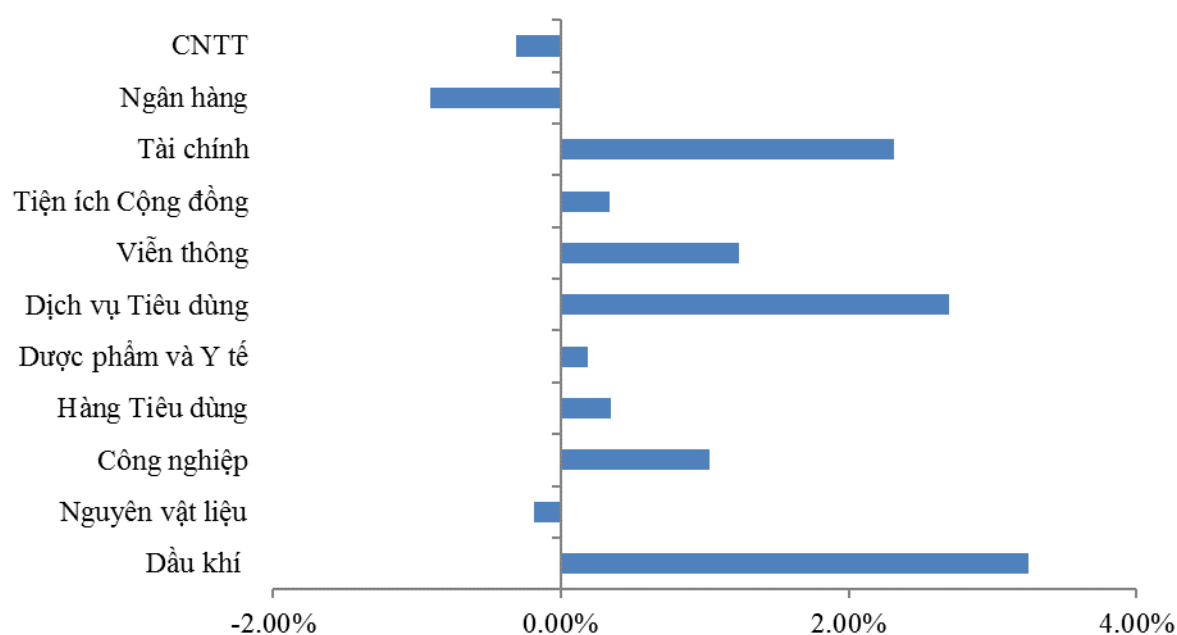
TOP VỐN HOÁ SÀN HNX

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACB	Ngân hàng Á Châu	1,344	16.89	985.90	9.87%	0.61%	22,379.96
2	VCS	VCS STONE	12,009	12.41	60.00	55.28%	22.09%	8,940.00
3	PVS	DVKT Dầu khí PTSC	2,210	8.78	446.70	8.38%	3.80%	8,665.99
4	VCG	VINACONEX	1,078	15.12	441.71	6.44%	2.21%	7,199.88
5	SHB	SHB	921	5.54	1,119.19	7.66%	0.43%	5,707.88
6	PVI	Bảo hiểm PVI	2,424	10.48	222.49	7.96%	3.36%	5,651.18
7	NTP	Nhựa Tiền Phong	5,346	13.86	74.37	22.38%	11.90%	5,510.62
8	PHP	Cảng Hải Phòng	1,411	11.48	326.96	11.35%	8.44%	5,296.75
9	VGC	Tổng Công ty Viglacera	1,727	8.97	307.00	12.74%	3.95%	4,758.50
10	VNR	Tái bảo hiểm Quốc gia	1,829	12.35	131.08	8.87%	3.74%	2,962.32

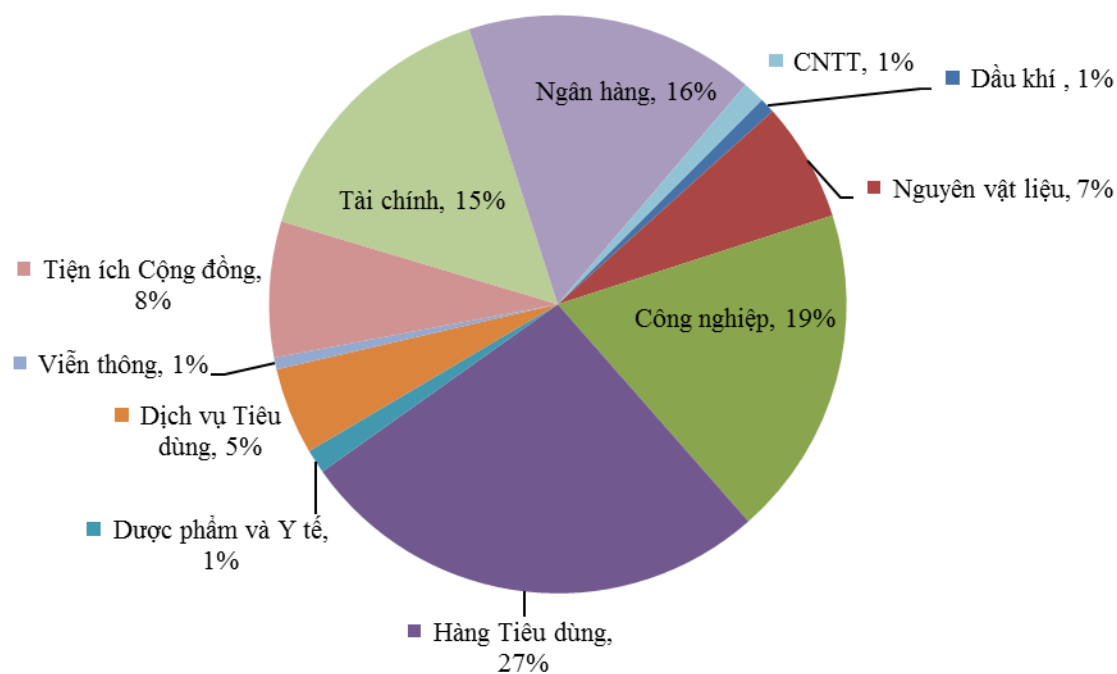
TOP VỐN HOÁ SÀN UPCOM

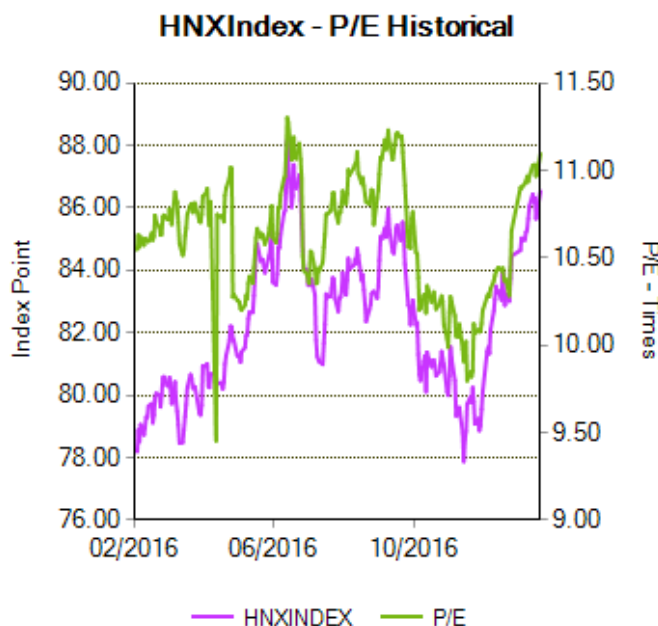
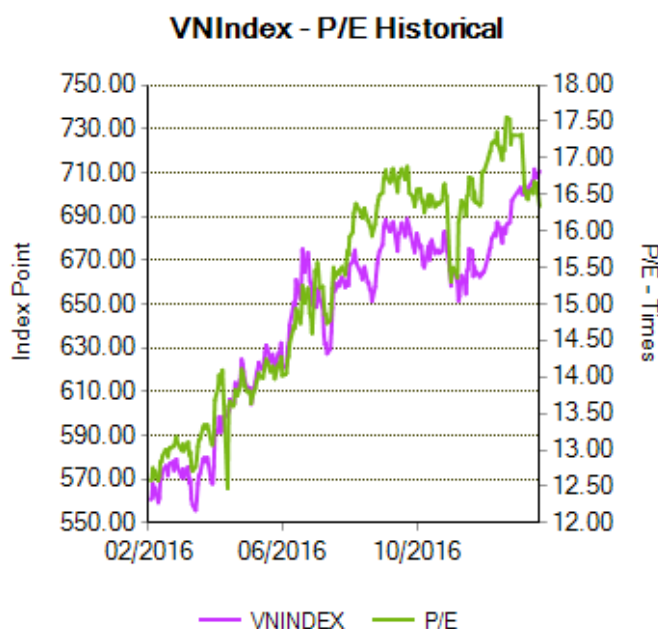
STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACV	Cảng Hàng không VN	1,002	52.83	2,177.17	8.33%	3.86%	115,211.65
2	HVN	Vietnam Airlines	2,480	16.15	1,227.53	17.54%	2.69%	49,152.91
3	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	5,165	13.61	538.16	21.66%	15.32%	37,825.66
4	QNS	Đường Quảng Ngãi	7,566	14.41	187.55	43.22%	24.93%	20,441.94
5	FOX	FPT Telecom	6,697	14.94	137.05	30.82%	11.12%	13,716.23
6	MSR	Tài Nguyên Masan	153	95.23	703.54	0.94%	0.41%	10,228.84
7	VIB	VIBBank	900	18.88	564.44	6.47%	0.59%	9,590.97
8	DTK	Vinacomin Power	21	656.35	680.00	0.23%	0.05%	9,520.00
9	SQC	Khoáng sản SG-Quy Nhơn	-514	-157.71	107.30	-6.29%	-4.85%	8,691.22
10	VEF	Triển lãm Việt Nam	267	165.57	166.60	2.58%	2.56%	7,355.24

Tăng/giảm theo ngành



Tỷ trọng vốn hóa ngành





MIỄN TRÁCH: Các thông tin và dự báo trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin mà BMSC cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác và hoàn chỉnh của các thông tin này. Toàn bộ quan điểm và nhận định trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích dựa trên cơ sở phân tích chi tiết, cẩn thận hợp lý, và phù hợp với thời điểm đưa ra báo cáo này. Các quan điểm này có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được đưa ra không nhằm mục đích khuyến nghị hay quảng cáo việc mua/bán bất cứ cổ phiếu nào. BMSC không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào đối với việc sử dụng các thông tin, phân tích, hay khuyến nghị nào từ báo cáo này.

Bản quyền báo cáo này thuộc về BMSC. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của BMSC đều không được phép.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh – Hội sở

Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP. HCM

ĐT: +84 8 7306 8686 – Fax: +84 8 3824 7436

Website: <https://www.bmsc.com.vn> – Email: info@bmsc.com.vn